

GỐM SỨ NHẬT BẢN VÀ GỐM SỨ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LAN ANH*

Nghề thủ công truyền thống ở hai nước Nhật Bản và Việt Nam, đặc biệt là nghề gốm sứ có từ rất lâu đời. Từ buổi sơ khai, để đáp ứng nhu cầu của cuộc sống, người dân đã chế tạo ra các sản phẩm phục vụ đời sống của mình. Theo tiến trình của lịch sử, cả hai nước đã vận dụng kỹ thuật sơ khai của nước mình kết hợp với tiếp thu những tiến bộ của nước ngoài để đưa ra những sản phẩm tinh túy hơn, chất lượng tốt hơn. Tuy cùng tiếp nhận ảnh hưởng kỹ thuật của Trung Quốc và các nước khác trong khu vực, các nghệ nhân của hai nước đã tìm được con đường phát triển riêng phù hợp với đặc điểm của nước mình. Với quy trình sản xuất cũng như kỹ thuật khác nhau tạo ra các dòng sản phẩm khác biệt nhưng qua các sản phẩm gốm sứ Nhật – Việt vẫn cho thấy tâm hồn và lòng rung cảm cái đạo đẹp của hai dân tộc đời xưa rất gần gũi nhau. Góp phần tìm hiểu sâu thêm về đề tài gốm sứ Việt Nam và Nhật Bản, bài viết phân tích, so sánh một số đặc trưng cơ bản của gốm sứ hai nước.

1. Gốm sứ Nhật Bản và một số loại điển hình

1.1. Khái lược về gốm sứ Nhật Bản

Từ thời cổ đại với kỹ thuật thô sơ, những người thợ gốm trên quần đảo Nhật Bản đã cung cấp những sản phẩm tiện ích nhất cho nhu cầu cuộc sống lúc bấy giờ như chum, vại... Theo các kết quả nghiên cứu thì gốm đã xuất hiện tại Nhật Bản rất sớm, khoảng

thiên niên kỷ thứ XIV trước công nguyên. Đồ gốm sơ kỳ ở Nhật Bản được gọi là gốm Jomon (thùng vãn) vì đồ gốm thời kỳ này đều có trang trí hoa văn hình dây thùng cuộn. Người ta tạo ra sản phẩm bằng cách cuộn những vòng đất sét chồng lên nhau để tạo hình, rồi vuốt phẳng bằng tay. Sau cùng mới trang trí hoa văn quần thùng. Hình dáng phổ biến là dạng góc cạnh, đáy nhọn, có tay cầm hình đầu thú.

Đến thời Yayoi, kỹ thuật canh tác lúa và những loại đồ gốm mới góp phần quan trọng trong cuộc sống, được dùng để đựng đồ, nấu nướng và ăn uống. Gốm thời kỳ này cũng được nung ở nhiệt độ thấp, không tráng men. Màu chủ đạo là màu đỏ sẫm, bên cạnh đó còn có màu đỏ nhạt.

Khi kỹ thuật gốm từ Triều Tiên du nhập vào Nhật, người Nhật biết đến sự tồn tại của bàn xoay. Chiếc bàn xoay thô sơ đầu tiên ra đời, gốm liền mảnh đã từng bước thay thế cho việc cuộn vòng đất sét. Gốm Hajibe, hay còn gọi là đồ sành được tìm thấy chủ yếu trong các gò mộ lớn, đó là những tượng đất nung không tráng men.

Đồ gốm Nhật Bản bắt đầu chịu ảnh hưởng của gốm sứ Trung Hoa vào thời Heian. Nhiều loại gốm men xanh nổi tiếng được du nhập vào thời này, song đồ gốm thời này không có nhiều tiến bộ mà chỉ dừng lại ở mức độ sản xuất đồ gia dụng. Khoảng giữa thế kỷ VIII, qua nhiều năm tích lũy kinh nghiệm và học hỏi, những người làm đồ gốm Nhật Bản bắt đầu biết cách tráng men, nung đất sét ở nhiệt độ tương đối thấp. Một số lớp men tráng bằng kỹ thuật này có màu xanh lục

* Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Tiếng Nhật, trường Đại học Hà Nội

đậm. Trong quá trình áp dụng và cải tiến kĩ thuật làm đồ gốm, những người làm đồ gốm phát hiện ra kĩ thuật tráng men tro tự nhiên và áp dụng vào trong sản xuất.

Khi Trà đạo thịnh hành đã kéo theo đồ gốm phục vụ cho các nghi lễ trà cũng rất phát triển. Điển hình là đồ gốm Shino đã trở thành sản phẩm nổi tiếng cho vẻ đẹp giản dị với lớp men tráng dày, có vân rạn, hoa văn mộc mạc. Thời gian sau, nhiều loại gốm sứ mới ra đời như dòng gốm Raku, mang đậm ảnh hưởng của Trà đạo.

Cùng với sự phát triển tốt bậc của kĩ thuật, bước tiến bộ vượt bậc của gốm sứ là đã chế tạo được sản phẩm nhiều màu sắc và nước men mới đạt đến độ tinh xảo rực rỡ tới mức người ta nói rằng những tiêu bản đẹp nhất về màu sắc của gốm chỉ có thể tìm thấy ở gốm sứ thời Edo của Nhật Bản⁽¹⁾.

Trong suốt thế kỉ XVII, việc buôn bán đồ sứ quan đã phát triển, cung cấp cho người Châu Âu giàu có những sản phẩm màu sắc và kì lạ để trang trí cho các lâu đài và cung điện của họ. Đồ sứ Nhật Bản lúc đầu được người Châu Âu tìm kiếm với mục đích để bù vào sự giảm sút về sản lượng đồ sứ Trung Quốc. Giữa thế kỉ XVII và đầu thế kỉ XVIII, đồ gốm sứ Trung Quốc lại lần ất, song nó đã để lại một di sản về kiểu dáng có ý nghĩa lớn lao trong lịch sử thiết kế mẫu gốm sứ của người Châu Âu, thậm chí đã xuất hiện một trang trí nội thất kiểu Nhật Bản. Đồ sứ Nhật Bản đã hấp dẫn người Châu Âu bởi màu sắc, kĩ thuật gia công tỉ mỉ và công phu mà họ chưa từng thấy trước đây khi ngắm nhìn nó, đã để lại cho phương Tây một cảm nhận sâu sắc về nghệ thuật thủ công truyền thống Nhật Bản.⁽²⁾

⁽¹⁾ Hồ Hoàng Hoa (2004), *Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật công truyền thống ở Nhật Bản*, Nxb Khoa học Xã hội

⁽²⁾ Nguyễn Văn Kim (2003), *Nhật Bản với châu Á – Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế xã hội*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

1.2. Một số loại gốm sứ điển hình của Nhật Bản

a. *Gốm sứ Arita*: Tỉnh Arita là trung tâm sản xuất sứ đầu tiên và lớn nhất ở Nhật Bản. Thời kì này, sứ Arita chỉ là các sản phẩm thô sơ, nhưng sau đó, các trung tâm sản xuất sứ trắng ra đời đánh dấu một kỉ nguyên mới. Sản phẩm sứ Arita được xuất khẩu sang Châu Âu qua cảng biển Imari nên người phương Tây gọi chúng là đồ sứ Imari. Thời gian đầu các nghệ nhân chỉ chú trọng vào đồ sứ có nhuộm màu (sometuke). Cuối thế kỉ XVII, các sản phẩm trang trí bằng các hình ảnh có màu sắc khác nhau đã được sản xuất. Từ đó ở Arita có 3 dòng sứ lớn là *Koimari* (Imari cổ), *Kakiemon* (sứ sản xuất tại Kakiemon) và *Nabeshima* (sứ được sản xuất tại Nabeshima). Lúc này Trung Quốc (nhà Minh) đang loạn chiến nên Nhật Bản đã thay thế Trung Quốc đưa sản phẩm xuất khẩu sang Châu Âu. Sang thế kỉ XVIII (giữa thời Edo) cuộc sống của nhân dân ổn định, nhu cầu trong nước được nâng cao nên cái tên sứ Arita đã được biết đến rộng rãi. Gốm sứ Arita có những đặc trưng như sau:

- *Sứ Imari sơ kì và Imari cổ*: Giai đoạn đầu, sứ Imari nhận ảnh hưởng từ Triều Tiên nên phổ biến là các sản phẩm thô sơ. Thời gian sau nhận ảnh hưởng từ Trung Quốc, sứ Koimari đã ra đời. Các nghệ nhân đã sử dụng các họa tiết thiên về màu đỏ, nhưng sau đó đã tìm ra họa tiết riêng cho sản phẩm của mình. Dần dần có nhiều họa tiết khác như là màu vàng ánh kim, các sợi vàng được đưa vào trang trí trên các sản phẩm sứ và ngày càng được ưa chuộng.

- *Kakiemon*: Thời gian đầu sứ Kakiemon cũng nhận ảnh hưởng từ Trung Quốc, nhưng sau đã đưa các họa tiết riêng mang đặc trưng Nhật Bản vào trong sản phẩm của mình. Mẫu đặc trưng của dòng sứ này là màu trắng sữa. Các nghệ nhân đã trộn 3 loại đá để tạo ra màu trắng đặc trưng này nên khi nhìn vào

các họa tiết người ta vẫn có cảm giác ám áp. Vì thể sản phẩm này khác hoàn toàn so với sứ trắng.

- *Nabeshima*: Màu đặc trưng của sứ Nabeshima là đỏ, vàng, xanh lục và điều khác các sản phẩm khác là hay dùng các họa tiết hay hình ảnh chìm. Dòng sứ Nabeshima có 3 phương pháp chế tác truyền thống khác nhau là Ainabeshima, Sabinebashima và Rurinabeshima.

Đặc trưng của sứ Imari là kỹ thuật vẽ nhiều màu làm cho hình ảnh trên mặt sứ trắng cực kì sắc nét. Họa tiết của gốm sứ Arita có màu sắc đa dạng như đỏ, xanh, vàng thêu kim tuyến, hình hoa lá hay động vật. Sản phẩm này được đánh giá rất cao⁽³⁾.

b. *Gốm Mino*: Gốm Mino có lịch sử khá lâu đời, cách đây khoảng 1300 năm được sản xuất tại tỉnh Gifu. Đầu tiên, kỹ thuật gốm Sue (một loại gốm không men) được du nhập từ Triều Tiên vào. Đầu thời Heian, một loại gốm có men gọi là Hakuji đã được nung trên cơ sở cải tiến kỹ thuật gốm Sue. Từ đó, nhiều loại gốm được sản xuất tại Nhật Bản. Từ thời Momoyama cho đến đầu thời Edo, cùng với sự phát triển của Trà đạo, nhiều sản phẩm theo ý tưởng độc đáo của các trà sư đã ra đời. Đặc trưng của gốm sứ Mino là tồn tại từ thời Muromachi đến thời Momoyama đã phát sinh ra 4 dòng sản xuất gốm nhỏ là: Kisetto, Setoguro, Shino và Oribe.

- *Kisetto (seto vàng)*: sử dụng lớp men vàng bóng và các họa tiết như cỏ cây hoa lá được vẽ lên trên bề mặt của sản phẩm.

- *Setoguro*: là tên gọi cho sản phẩm được tráng men sắt. Nung xong, các nghệ nhân sẽ đưa sản phẩm vào ngay nước lạnh để đạt được màu đen tự nhiên.

- *Shino*: Trước đây gốm Shino được biết đến với tư cách là sản phẩm tráng men

trắng, hoa cỏ thiên nhiên là họa tiết chủ đạo. Gốm Shino có nhiều chủng loại, trong đó những loại không có họa tiết hoa trang trí thì được gọi là Muzishino (gốm trơn), còn sản phẩm có họa tiết trang trí được gọi là Eshino (gốm có họa tiết). Ngoài ra còn có các sản phẩm Nezumishino (shino xám bạc) và Akashino (Shino đỏ).

- *Oribe*: Người ta biết đến gốm Oribe là loại gốm được tráng men xanh và được gọi là Aioribe. Trên bề mặt sản phẩm một phần được tráng men xanh, phần còn lại được vẽ bằng mực có chứa thành phần ôxi sắt. Những sản phẩm được tráng hoàn toàn bằng men xanh được gọi là Souoribe. Ngoài ra, các nghệ nhân còn kết hợp 2 loại đất sét trắng và đất sét đỏ để tạo ra sản phẩm và nó được gọi là Narumioribe.⁽⁴⁾

2. Gốm sứ Việt Nam và một số loại điển hình

2.1. Khái lược về gốm sứ Việt Nam

Lịch sử đồ gốm Việt Nam đã bắt đầu từ những món đồ bằng đất sét trộn bột vỏ sò không tráng men, dùng khuôn bằng giỏ đan, màu nâu đậm hay nâu nhạt. Nét văn minh sơ khởi nhất của con người là chế tác ra đồ gốm, bởi vì không có chúng để nấu nướng, cất giữ, ăn uống thì nền văn minh không hình thành. Chính trong quá trình chế tác đồ gốm, con người đã tích lũy được những kinh nghiệm sống và thể hiện trong các sản phẩm của mình tạo nên các nền văn hoá nổi bật như văn hoá Phùng Nguyên, văn hoá Đông Sơn. Dù di tích còn lại rất ít, nhưng đồ gốm Việt Nam trong thời này đã cho thấy sắc thái của một nền văn hóa riêng biệt.

Thế kỉ XI, sau khi thoát khỏi sự đô hộ của Trung Hoa, những người thợ gốm ở miền bắc Việt Nam đã phát triển hàng hóa gốm sứ mang sắc thái dân tộc rõ nét. Từ thế kỉ XIII –

(3) 三菱自動車工業株式会社人事部 (1994) 『日本のすべて』三省堂社

(4) 黒田草臣 (1998) 『やきもののある生活』株式会社小学館

XIV, khi đồ gốm Việt Nam bắt đầu cạnh tranh với hàng hóa xuất khẩu Trung Hoa trên thị trường quốc tế thì mới có ảnh hưởng từ việc du nhập thêm kỹ thuật và phong cách Trung Hoa. Sứ thanh lam Việt Nam có sức cạnh tranh rất cao, đặc biệt trong khu vực Đông nam Á. Đồ gốm miền bắc Việt Nam trong thời kì này cũng cho thấy những nét ảnh hưởng của Hồi giáo, điển hình như những mâm khay lớn.

Hiện nay có rất nhiều làng gốm nổi tiếng ở Việt Nam, trong đó phải kể đến gốm Bát Tràng (Hà Nội), gốm Đông Triều (Quảng Ninh), gốm Phù Lãng (Bắc Ninh), gốm Sài Gòn, gốm Bình Dương, gốm Biên Hòa (Đồng Nai). Sản phẩm gốm của Việt Nam cũng rất phong phú, từ những vật nhỏ như lọ đựng tẩm, gạt tàn thuốc lá... đến những sản phẩm cỡ lớn như lọ độc bình, đôn voi. Họa tiết trên sản phẩm được gắn liền với những hình ảnh quen thuộc trong đời sống như chú bé thổi sáo trên lưng trâu, cây đa cổng làng, mái chùa, hồ sen... Hiện nay, sản phẩm gốm Việt Nam đã có mặt tại nhiều nước trên thế giới và thương hiệu gốm Việt Nam cũng đã khẳng định được vị trí của mình.

2.2. Một số loại gốm sứ Việt Nam điển hình

a. *Gốm Chu Đậu*: Cuối thế kỉ XIV, là thời kì phát triển cao nhất của đồ gốm Việt Nam, với nhiều loại men và hoa văn độc đáo, loại đồ gốm mà ngày nay chúng ta được biết dưới tên “Đồ gốm Chu Đậu”. Tiếc thay, nền kỹ thuật và mỹ thuật này đã tàn lụi vào đầu thế kỉ XVII sau những trận chiến dữ dội thời Lê Mạc. Gốm Chu Đậu được coi là gốm đạo, gốm bác học. Các sản phẩm gốm in đậm dấu ấn những giá trị nhân văn của Phật giáo, Nho giáo. Nhờ những hoa văn trang trí rất độc đáo, khiến cho gốm Chu Đậu không thể lẫn với các loại gốm khác. Có thể thấy gốm Chu Đậu có những đặc trưng sau:

- *Về kỹ thuật tạo hình*: Gốm Chu Đậu được làm chủ yếu vuốt trên bàn xoay, một số khác được làm bằng khuôn in nên hình dáng các sản phẩm rất phong phú. Các sản phẩm của gốm Chu Đậu hết sức phong phú về loại hình: nhiều nhất là các loại bát to, bát nhỏ, đĩa nhiều kích cỡ, chén, bình (thường gọi là bình Tỳ bà), lọ, trục uống rượu, bát ba chân, liễn, hộp sứ, lư hương... Điều đáng lưu ý là hầu hết sản phẩm bát, đĩa, lọ, bình đều có miệng loe ra phía ngoài, thân bầu bĩnh, một số bát có chân cao rất đặt trung của đồ gốm cuối thời Trần đầu thời Lê.

- *Về trang trí*: Các họa tiết trên bình cổ thường là cây cỏ, hoa lá, chim muông, được cách điệu. Cũng có bình vẽ các nhân vật thần thoại, như Thánh Gióng, Thạch Sanh... Các nghệ nhân Chu Đậu dùng các họa tiết truyền thống như: ngỗng ấp, hoa cúc dây, hoa đào nhưng nét thì mỗi người mỗi vẻ, các hoa văn, họa tiết luôn hài hòa với dáng gốm. Trong một nét vẽ đã có sắc độ, có đậm có nhạt, kể cả nét bệt bút và công bút đều phải có sắc độ.

- *Về Men gốm*: Men gốm Chu Đậu rất phong phú như men ngọc, men nâu, men trắng, men lục. Tuy nhiên tiêu biểu nhất là men trắng trong với hoa văn màu xanh và men trắng trong với hoa văn ba màu vàng, đỏ nâu và xanh lục⁽⁵⁾.

b. *Gốm sứ Bát Tràng*

Có nhiều giả thuyết về sự ra đời của làng gốm Bát Tràng, trong đó có một giả thuyết đáng được quan tâm là Làng gốm Bát Tràng được hình thành từ thời hậu Lê, từ sự liên kết chặt chẽ giữa 5 dòng họ làm gốm nổi tiếng của làng Bò Bát như Trần, Vương, Nguyễn, Lê, Phạm với họ Nguyễn (Nguyễn Ninh Trảng) ở đất Minh Trảng. Gia phả một số dòng họ ở Bát Tràng như họ Trịnh, Lê, Vương, Phạm, Nguyễn... ghi nhận rằng, tổ

⁽⁵⁾ <http://www.vinhphuc.gov.vn>

tiên xưa từ Bò Bát di cư ra đây (Bò Bát là Bò Xuyên và Bạch Bát). Vào thời Hậu Lê và đầu thời Nguyễn, xã Bò Xuyên và trang Bạch Bát thuộc tổng Bạch Bát, huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, trấn Thanh Hóa ngoại. Ngày nay, Bò Xuyên và Bạch Bát là hai thôn của xã Yên Thành, huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Theo truyền thuyết và gia phả một số dòng họ như họ Vũ ở Bò Xuyên, cư dân Bò Bát chuyên làm nghề gốm từ lâu đời. Điều này đã được xác nhận qua dấu tích của những lớp đất nung và mảnh gốm nằm dày đặc ở nhiều nơi trong vùng.

Nằm bên bờ sông Hồng, lại gần kinh thành, Bát Tràng có vị trí địa lí và điều kiện giao thông thuận lợi để phát triển nghề thủ công này. Điều đặc biệt nhất có lẽ bởi vùng này được thiên nhiên phú cho nguồn đất sét trắng, vốn là thứ nguyên liệu tối quan trọng để sản xuất đồ gốm. Nghề gốm Bát Tràng đạt đến độ hưng thịnh ở thế kỉ XV khi được triều đình chọn để cung cấp đồ cống phẩm cho nhà Minh và tiếp tục phát đạt ở thế kỉ XVI với những sản phẩm cao cấp đáp ứng đòi hỏi của tầng lớp quý tộc và nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân.

Gốm sứ Bát Tràng có phong cách riêng bởi sự nổi trội của 5 dòng men khác nhau là men nâu, men lam, men trắng ngà, men xanh rêu và men rạn. Đặc biệt, men xanh rêu kết hợp với men trắng ngà và nâu tạo ra một dòng "tam thái" rất riêng của gốm sứ truyền thống Bát Tràng. Chất liệu chính của sứ Bát Tràng là đất cao lanh có sức chịu nhiệt cao (1300°C), và chính nhờ điều đó nên sản phẩm Bát Tràng rất bền và chắc.

Tuy đa dạng về chủng loại, phong phú về mẫu mã nhưng về cơ bản gốm Bát Tràng có thể chia thành hai nhóm chính: *Đồ gốm gia dụng và đồ gốm mỹ nghệ*. Dù là nhóm sản phẩm nào cũng đòi hỏi trình độ kĩ thuật và tay nghề rất cao. Hình thức trang trí trên gốm Bát Tràng thời gian đầu bao gồm các

kiểu như khắc chìm, tô men nâu theo kĩ thuật gốm hoa nâu thời Lý-Trần, kết hợp với chạm nổi và vẽ men lam. Đề tài trang trí còn giới hạn trong các đồ án hoa lá, tiếp nối gốm hoa nâu thời Trần. Đề tài trang trí phổ biến có các loại: rồng, phượng, xen kẽ cụm mây, ngựa có cánh, hoạt cảnh người, cánh sen đứng, hoa dây, lá đề, phong cảnh sơn thủy...⁽⁶⁾

3. Đôi nét giống nhau và khác nhau giữa gốm sứ Nhật Bản và gốm sứ Việt Nam

3.1. Hình dáng, màu sắc

Văn hóa truyền thống của hai dân tộc Việt Nam và Nhật Bản đều được hình thành dựa trên nền tảng sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước nên có những đặc điểm chung như tính cộng đồng cao, trọng kinh nghiệm, tuổi tác và đặc biệt là yếu tố thiên nhiên. Địa hình tự nhiên Việt Nam đa dạng với đủ các vùng đồng núi, đồng bằng và duyên hải, khí hậu do thế cũng biến đổi rất phức tạp. Hàng năm, những thiên tai, hiểm họa mang đến cho con người những tổn thất vô cùng to lớn về cả người và của. Tuy vậy, đời sống con người lại lệ thuộc vào thiên nhiên. Mưa thuận gió hòa đồng nghĩa với những vụ mùa bội thu, ngược lại nghĩa là khó khăn và đói kém. Chính vì vậy, thiên nhiên đối với người Việt là những gì thiêng liêng mà cũng thân thương nhất. Với trí tưởng tượng, họ tạo ra một hệ thống các vị thần linh để cai quản các đối tượng thiên nhiên như thần sông, thần núi, thần biển... Nhật Bản tuy có diện tích tự nhiên rộng hơn Việt Nam nhưng có tới 75% diện tích là núi và 67% rừng xanh che phủ. Với lượng mưa không lớn, trung bình khoảng 300mm/năm và do địa hình núi gần biển, Nhật Bản không có nhiều sông. Mười ba con sông được ghi trong các sách địa lí đều ngắn, nhỏ và nghèo phù sa. Bù lại sự

⁽⁶⁾ <http://www.battrang.info>.

chật hẹp về đất đai cư trú và trồng trọt, Nhật Bản có hệ thống cảng biển dày đặc. Khí hậu Nhật Bản có sự cách biệt khá xa. Có vùng lạnh như Siberi, lại có vùng ấm như Đông Nam Á. Quanh năm có 4 mùa rõ rệt nhưng độ ẩm không cao. Khí hậu nói chung không thật sự thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Diện tích đường bờ biển lớn đem lại sự phát triển cho ngư nghiệp. Đây cũng là một nghề phụ thuộc nhiều vào các yếu tố thiên nhiên. Thế nên cũng giống như người Việt, người Nhật cũng yêu mến và quý trọng thiên nhiên. Họ luôn tìm cách sống giao hòa, tìm hiểu và tái tạo lại thiên nhiên trong đời sống. Những tập tục văn hóa, triết lí, văn học hay thậm chí những tác phẩm thủ công phục vụ đời sống hàng ngày đều thể hiện đậm nét những sự vật, sự việc đang diễn ra xung quanh.

Các sản phẩm gốm sứ của Việt Nam và Nhật Bản được sản xuất ra nhằm phục vụ cho đời sống hàng ngày, các mục đích tôn giáo, lễ tục, các hoạt động văn hóa, nên chắc rằng những hoa văn, họa tiết đã được các nghệ nhân thổi vào cái hồn của thiên nhiên. Bát, chén, đĩa dùng trong sinh hoạt thường ngày thì được trang trí bởi cỏ cây, hoa lá, chim muông, thú vật hay những khung cảnh bình dị của đời sống nông thôn. Những khóm hoa, cảnh cây, cảnh vật thanh tao hoặc được sắp đặt có chủ ý là những chủ đề thích hợp hơn với các hình thức sinh hoạt văn hóa như Trà đạo, cắm hoa... Trong khi đó, đồ vật dùng trong mục đích tôn giáo lễ tục thường được trang trí bằng những hình tượng Tiên, Phật, anh hùng dân tộc, các khung cảnh mang tính triết lí cao. Cũng chính vì có những nét tương đồng đó nên từ bao đời nay, rất nhiều các sản phẩm gốm sứ của Việt Nam được người Nhật nhập khẩu và sử dụng trong đời sống hàng ngày và ngược lại.

Ngành gốm sứ của cả Việt Nam và Nhật Bản đều rất phát triển với nhiều dòng gốm

sứ nổi bật. Mỗi dòng gốm sứ đều có những đặc trưng và công nghệ tráng men riêng. Điều đó đem lại sự phong phú và đa dạng về men gốm ở cả hai quốc gia này.

3.2. Chức năng trong đời sống

Có lẽ do đời sống người dân chủ yếu dựa vào nông, ngư nghiệp nên chủng loại các sản phẩm gốm sứ của Việt Nam và Nhật Bản khá giống nhau và có thể chia làm 4 loại chính:

Loại sản phẩm phục vụ xây dựng: Các sản phẩm được biết tới chủ yếu ở đây là gạch, ngói và các vật liệu trang trí phục vụ xây dựng khác. Sự khác biệt chủ yếu giữa sản phẩm gạch ngói của hai nước là do nguyên liệu và quá trình sản xuất. Sản phẩm của người Việt thường có hình tượng và hoa văn trang trí mang màu sắc tôn giáo hay tâm linh, trong khi đó người Nhật lại ưa các hình thức trang trí thiên về tự nhiên hơn như cỏ cây, hoa lá.

Loại sản phẩm gia dụng: Bao gồm các loại đĩa, chậu hoa, âu, thạp, bát, chén... và nhiều loại sản phẩm dùng trong sinh hoạt hàng ngày khác. Trong dòng sản phẩm này thì sự khác biệt giữa gốm sứ Việt Nam và Nhật Bản tỏ ra khá lớn. Sản phẩm gốm sứ của Việt Nam ít đa dạng, khác nhau chủ yếu ở chất lượng, hoa văn, họa tiết trang trí và điều quan trọng là chúng được sản xuất để phục vụ đại đa số nhu cầu sử dụng của người dân thuộc nhiều tầng lớp xã hội. Trong khi đó, người Nhật vốn khát khe hơn cộng thêm sở thích đem những nét thẩm mỹ vào những sinh hoạt thường ngày, đã sáng tạo ra những sản phẩm vô cùng phong phú cả về chủng loại và chất lượng. Rất nhiều trong số những sản phẩm họ tạo ra nhằm phục vụ cho những người, những nhu cầu thuộc các vùng văn hóa khác nhau, các hoạt động sinh hoạt hay thậm chí các thời điểm khác nhau.

Loại sản phẩm dùng để trưng bày, trang trí: Cũng giống như dòng sản phẩm phục vụ

sinh hoạt gia dụng, các sản phẩm gốm sứ trung bày trang trí của Nhật Bản phong phú và đa dạng hơn của Việt Nam khá nhiều, từ các sản phẩm thô mộc tạo cảm giác gần gũi với thiên nhiên tới các sản phẩm được chau chuốt kỹ lưỡng ví dụ như gạch trang trí, ngói bờ; ngói hình bán nguyệt; ngói đầu thú, đầu người, vật cách điện, đèn ngủ, đồ trang sức bằng sứ để đính lên quần áo như cái kẹp thắt lưng obi cho chiếc kimono, các sản phẩm hiện đại, cao cấp như các thiết bị loa, thiết bị chuẩn đoán bằng siêu âm, vật liệu khử mùi kháng khuẩn, chén trà, xương nhân tạo, gạch trang trí nội, ngoại thất, dụng cụ làm bếp, dụng cụ văn phòng...⁽⁷⁾

Loại sản phẩm phục vụ việc thờ cúng: Do cùng chịu ảnh hưởng bởi nền văn hóa Trung Hoa và Phật giáo Ấn Độ trong việc thờ cúng tổ tiên, thần phật, nên các sản phẩm gốm sứ dùng trong hoạt động tín ngưỡng của Việt Nam và Nhật Bản khá giống nhau, không thấy có sự khác biệt lớn. Hầu hết các đồ vật dùng trong mục đích tôn giáo lễ tục thường được trang trí bằng những hình tượng Tiên, Phật, anh hùng dân tộc, các khung cảnh mang tính triết lý cao.⁽⁸⁾

*

* *

Nhìn chung, Nhật Bản đã nổi tiếng từ rất lâu với cách sản xuất và sử dụng các sản phẩm gốm sứ trong đời sống sinh hoạt thường ngày, có thể kể đến cách sử dụng đồ gốm sứ trong Trà đạo, cắm hoa hay thậm chí trong các bữa ăn để tạo nên những nét thẩm mỹ mang phong cách đặc trưng của chủ nhân. Họ tỏ ra khá cầu kì trong việc kết hợp chất liệu gốm sứ, màu sắc sao cho phù hợp với không gian và thời gian, hoặc để truyền đạt

một ý tưởng cụ thể nào đó tới người thưởng thức. Trong khi đó, người Việt Nam có vẻ chú trọng tới cái cốt lõi bên trong hơn hình thức bên ngoài. Ví dụ như, món ăn và đồ uống có mùi vị thế nào thường là điều được người Việt quan tâm nhất. Trong cắm hoa cũng vậy, hình thức hay chất liệu của lọ hoa chiếm được sự quan tâm ít hơn nhiều so với người Nhật.

Rõ ràng do cùng bị ảnh hưởng bởi tư tưởng văn hóa Trung Hoa và việc học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau đã dẫn đến những nét giống nhau trong nghệ thuật gốm sứ của Việt Nam và Nhật Bản. Tuy nhiên, do đặc điểm văn hóa mở và điều kiện sống khác biệt nên gốm sứ Nhật Bản có phần thông thoáng, có sự pha trộn của nhiều nền văn hóa hơn so với gốm sứ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Hoàng Hoa (2004), *Vấn đề bảo tồn và phát triển Nghệ thủ công truyền thống ở Nhật Bản*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Nishino Noriko (2000), “*Trà đạo Nhật Bản và gốm sứ Việt Nam*”, Bài phát biểu Đông Phương học Việt Nam lần thứ nhất Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Kim (2003), *Việt Nam với châu Á – Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế xã hội*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Đỗ Quang Trọng (2001), *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, NXB Khoa học Xã hội.
5. 三菱自動車工業株式会社人事部 (1994) 『日本のすべて』三省堂社.
6. 矢部良明 (2003) 『日本のやきもの史』美術出版社.
7. 高嶋廣夫 (1996) 『陶磁器の科学・焼き物の未来のために』内田老鶴圃出版者
8. 高嶋廣夫 (1993) 『陶磁器・釉の科学』内田老鶴圃出版者.
9. 黒田臣 (1998) 『やきもののある生活』株式会社小学館.

⁽⁷⁾ Nipponia (2005) “Đồ gốm và đồ sứ Nhật Bản – một phần của đời sống Nhật Bản”, Heibonsha

⁽⁸⁾ 三菱自動車工業株式会社人事部 (1994) 『日本のすべて』三省堂社